

V/v yêu cầu tuyên bố không phải quan
hệ vợ chồng giữa chị V với anh L

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ-RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Trần Thị Chúc.

2- Ông Lê Minh Quan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Ngọc Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ: Ông Nguyễn Tùng Lâm kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 102/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2017 về việc “Yêu cầu tuyên bố không phải quan hệ vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2017 giữa:

+ Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng V, sinh năm 1972 có mặt

Địa chỉ: Tổ 4 ấp Tân T, xã Long Tân, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

+ Bị đơn: Anh Phạm Xuân L, sinh năm 1969 vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 4 ấp Tân T, xã Long Tân, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08-5-2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Lê Thị Hồng V trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng V và anh Phạm Xuân L tự nguyện sống chung như vợ chồng vào năm 1988, có tổ chức lễ cưới, không đi đăng ký kết hôn. Sau khi về sống chung thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L ngược đãi đánh đập chị V, vì thương con nên chị V ráng chịu đựng, thời gian gần đây anh L uống rượu và đánh đập thường xuyên hơn, chính quyền địa phương phải can thiệp. Không chịu đựng nổi nên chị V bỏ đi về nhà người thân sống trên một năm nay. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị V yêu cầu tuyên bố quan hệ giữa chị với anh L không phải quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là tên Phạm Xuân Q, sinh ngày 06-4-1989, đã thành niên tình trạng sức khỏe bình thường hiện nay đã lập gia đình, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Xuân L hiện nay vẫn đang thường trú tại xã Long Tân, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện đã cấp tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng anh L không chấp hành, không cung cấp bản khai nên không biết được ý kiến của anh L về tình trạng hôn nhân giữa hai người.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự, cũng như quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Tuy nhiên thẩm phán còn những vi phạm như sau: Không có biên bản niêm yết thông báo thụ lý vụ án tại trụ sở Tòa án; Biên bản về việc không tổng đạt được văn bản tố tụng cho đương sự không có xác nhận của địa phương; Việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu còn chậm, kiến nghị thẩm phán rút kinh nghiệm. Đối với đương sự

thì bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật về tố tụng vắng mặt tại phiên tòa vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Chị V và anh L không đăng ký kết hôn, nên không công nhận vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ nhận định:

Về tố tụng: Chị V yêu cầu tuyên bố quan hệ giữa chị và anh Phạm Xuân L không phải quan hệ vợ chồng, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, anh L có nơi cư trú tại xã Long Tân, huyện Đất Đỏ, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh L được triệu tập hợp lệ vắng mặt lần thứ hai không lý do, đủ căn cứ giải quyết vắng mặt đương sự theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1]- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị Hồng V và anh Phạm Xuân L tự nguyện sống chung với nhau vào năm 1988, không đăng ký kết hôn. Khi về chung sống với nhau anh L thường xuyên đánh đập hành hung chị V, đến mức chính quyền địa phương phải can thiệp. Mâu thuẫn đến mức trầm trọng không thể sống chung nên chị V đã bỏ về nhà người thân sống cho đến nay hơn một năm. Nay, chị V yêu cầu Tòa án tuyên bố quan hệ giữa chị V với anh L không phải là quan hệ vợ chồng, nên áp dụng Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị V.

[2] - *Về con chung:* Chị V và anh L có 01 người con chung tên Phạm Xuân Q, sinh năm 1989, cháu Q đã thanh niên, tình trạng sức khỏe bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[3]- *Về tài sản chung:* Chị V trình bày để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4]- *Về nợ chung*: Chị V trình bày không có.

[5]- *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nên chị V phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố quan hệ giữa chị Lê Thị Hồng V và anh Phạm Xuân L không phải là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Có 01 người con chung đã thành niên.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị V khai tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Hồng V phải phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị V đã nộp theo biên lai thu số 0004120 ngày 14-5-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ, chị V đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Đất Đỏ;
- Các đương sự;
- CCTHADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến